

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 43

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016. Theo đó, Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 79/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007). Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An chấm dứt hoạt động kể từ ngày Giấy phép trên có hiệu lực.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)/Hội đồng Thành viên (HĐTV) của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm/nhận ủy quyền</u>
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc	Nhận ủy quyền ngày 16 tháng 7 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Chung Whan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Jeong Donyeong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Bà Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Bà Huỳnh Kim Tươi	Thành viên HĐQT	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Han Bok Hee	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Trương Huy Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Đăng Lê Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016 Từ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Bà Phạm Thị Hóa	Thành viên	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Bà Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm/nhận ủy quyền</u>
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Nhận ủy quyền ngày 16 tháng 7 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
Ông Trần Hồng Văn	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm tạm thời ngày 27 tháng 10 năm 2016
Ông Trần Minh Vinh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2016 Từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2016
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2016 Từ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Phúc Nguyên	Kế toán Trưởng	Từ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm/nhận ủy quyền</u>
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Nhận ủy quyền ngày 16 tháng 7 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Bà Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Ông Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2017



Số tham chiếu: 61281867/18704428

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 15 của báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn chủ sở hữu của Công ty là 134.706.415.089 đồng, thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định hiện hành đối với Công ty là 135.000.000.000 đồng do phát sinh lỗ lũy kế. Theo quy định của Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Công ty phải thực hiện báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý và trong thời hạn sáu (06) tháng, Công ty phải đảm bảo vốn chủ sở hữu phải tối thiểu bằng vốn pháp định. Theo đó, vào ngày 20 tháng 3 năm 2017 Công ty đã thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý theo hướng trình chủ sở hữu phương án tăng vốn, đồng thời đẩy mạnh thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm tăng doanh thu để đảm bảo giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		109.428.566.995	133.530.339.721
110	I. Tài sản tài chính		109.272.662.744	127.926.269.549
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	5.859.064.386	95.729.662.402
111.1	1.1. Tiền		1.859.064.386	93.329.662.402
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	2.400.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	3.353.650	32.001.840.600
113	3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	6.2	100.635.000.000	-
117	4. Các khoản phải thu	7	2.761.801.457	144.012.378
117.4	4.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.761.801.457	144.012.378
122	5. Các khoản phải thu khác		13.443.251	50.754.169
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	8	155.904.251	5.604.070.172
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		155.904.251	925.428.356
137	2. Tài sản ngắn hạn khác		-	4.678.641.816
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.805.011.458	15.607.907.439
220	I. Tài sản cố định		26.531.044.545	11.668.324.535
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.979.615.645	10.880.262.246
222	1.1. Nguyên giá		20.961.626.429	15.926.851.042
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.982.010.784)	(5.046.588.796)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	12.551.428.900	788.062.289
228	2.1. Nguyên giá		14.496.285.600	2.134.059.600
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.944.856.700)	(1.345.997.311)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.710.400.000
250	III. Tài sản dài hạn khác	11	1.273.966.913	1.229.182.904
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		959.767.500	992.641.500
252	2. Chi phí trả trước dài hạn		64.124.365	-
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	250.075.048	236.541.404
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		137.233.578.453	149.138.247.160

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.527.163.364	9.138.247.160
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		2.527.163.364	9.051.280.160
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		1.045.634	-
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.740.400.000	-
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	318.055.705	6.491.722
323	4. Phải trả người lao động		188.720.312	-
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		13.002.800	13.707.530
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		257.242.213	63.000.000
326	7. Phải trả nội bộ ngắn hạn		8.696.700	-
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	8.968.080.908
340	II. Nợ phải trả dài hạn		-	86.967.000
347	1. Phải trả người bán dài hạn		-	86.967.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		134.706.415.089	140.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	134.706.415.089	140.000.000.000
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		146.000.000.000	140.000.000.000
411.1	1.1.Vốn góp của chủ sở hữu		146.000.000.000	140.000.000.000
417	2. Lỗ lũy kế		(11.293.584.911)	-
417.1	2.1.Lỗ chưa thực hiện		(307.704)	-
417.2	2.2.Lỗ đã thực hiện		(11.293.277.207)	-
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.233.578.453	149.138.247.160

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Số lượng chứng khoán	Số đầu năm (Trình bày lại) Số lượng chứng khoán
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán		202	178
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư	16.1	6.312.525	136.850
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		312.525	136.850
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		6.000.000	-
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư		1	66.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1	66.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		30	300

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của khách hàng	16.2	407.596.463	98.489.453
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.2	403.768.463	98.489.453
027.1	- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		403.768.463	98.489.453
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	16.2	3.828.000	-
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		3.828.000	-
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.3	403.362.123	98.489.453
031.1	- Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		22.555.805	16.645.798
031.2	- Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		380.806.318	81.843.655
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16.3	4.234.340	-

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước (trình bày lại) VND</i>
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		4.720.543.648	272.617.328
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		900.000	-
01.3	1.2. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	17	4.719.643.648	272.617.328
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		593.923	-
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		114.792.950	32.982.059
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		9.120.492	-
11	5. Thu nhập hoạt động khác		26.125.286	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		4.871.176.299	305.599.387
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(307.704)	-
21.2	1.1 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		(307.704)	-
27	2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	18	(2.408.563.488)	(620.135.520)
30	3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(43.008.505)	(41.241.443)
32	4. Chi phí hoạt động khác		(737.800)	(5.100.419)
40	Cộng chi phí hoạt động		(2.452.617.497)	(666.477.382)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu lãi tiền gửi không cố định		125.055.701	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		125.055.701	-
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(19.134.314)	-
60	Cộng chi phí tài chính		(19.134.314)	-
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	19	(16.798.972.984)	(5.752.511.839)
	VI. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		40.636.675	2.769.840
72	2. Chi phí khác		(14.878.658)	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác	20	25.758.017	2.769.840
90	VII. LỖ TRƯỚC THUẾ		(14.248.734.778)	(6.110.619.994)
91	1. Lỗ đã thực hiện		(14.248.427.074)	(6.110.619.994)
92	2. Lỗ chưa thực hiện		(307.704)	-
100	VIII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	21	-	-
200	IX. LỖ SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		(14.248.734.778)	(6.110.619.994)
400	TỔNG LỖ TOÀN DIỆN		(14.248.734.778)	(6.110.619.994)

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Ông Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.248.734.778)	(6.110.619.994)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(1.281.109)	488.226.824
03	Khấu hao tài sản cố định		2.616.507.970	760.844.152
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(272.617.328)
08	Dự thu tiền lãi		(2.617.789.079)	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		307.704	-
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		307.704	-
30	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(69.807.211.720)	(30.925.744.235)
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		31.998.179.246	(32.000.000.000)
32	Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(100.635.000.000)	-
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		37.310.918	(4.651.370.258)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		4.697.982.172	(852.755.755)
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		194.242.213	-
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		705.399.740	(920.428.356)
45	Tăng phải trả cho người bán		1.654.478.634	-
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(704.730)	-
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp nhà nước		311.563.983	(1.217.588.420)
48	Tăng phải trả người lao động		188.720.312	-
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(8.959.384.208)	8.716.398.554
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(84.056.919.903)	(36.548.137.405)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(14.768.827.980)	(13.898.401.842)
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	144.950.661
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(14.768.827.980)	(13.753.451.181)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Nhận vốn góp của chủ sở hữu		8.955.149.867	80.636.153.432
80	Tiền từ hoạt động tài chính		8.955.149.867	80.636.153.432
90	(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(89.870.598.016)	30.334.564.846
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	95.729.662.402	65.395.097.556
101.1	Tiền		93.329.662.402	1.895.097.556
101.2	Các khoản tương đương tiền		2.400.000.000	63.500.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	5.859.064.386	95.729.662.402
103.1	Tiền		1.859.064.386	93.329.662.402
103.2	Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	2.400.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		14.415.233.800	6.440.193.000
07	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(42.971.485.900)	(7.024.600.000)
20	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		28.865.359.110	576.004.146
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		309.107.010	(8.402.854)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	16.2	98.489.453	106.892.307
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		98.489.453	106.892.307
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	16.2	407.596.463	98.489.453
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		403.768.463	98.489.453
43	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.828.000	-

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm (VND)		Thay đổi trong năm (VND)				Số cuối năm (VND)	
	Ngày 01/01/2015	Ngày 01/01/2016	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2016
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	6.000.000.000	-	140.000.000.000	146.000.000.000
- Vốn pháp định	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn bổ sung	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	6.000.000.000	-	5.000.000.000	11.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	(74.525.533.438)	-	80.636.153.432	(6.110.619.994)	2.955.149.867	(14.248.734.778)	-	(11.293.584.911)
Tổng cộng	65.474.466.562	140.000.000.000	80.636.153.432	(6.110.619.994)	8.955.149.867	(14.248.734.778)	140.000.000.000	134.706.415.089

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Ông Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016. Theo đó, Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 79/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007). Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An chấm dứt hoạt động kể từ ngày Giấy phép trên có hiệu lực.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 22, tòa nhà Centec, số 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 17 người (31 tháng 12 năm 2015: 17 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng vốn điều lệ của Công ty là 134.706.415.089 VND, vốn chủ sở hữu là: 146.000.000.000 VND, tổng tài sản là: 137.233.578.453 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển bền vững và thịnh vượng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày, Thông tư số 146/2014/TT-BTC (Thông tư 146) ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 210, Thông tư 334 và Thông tư 146 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (Thông tư 210). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (Thông tư 334).

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính, theo đó tất cả các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp ghi nhận theo giá trị thị trường phải tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh 25.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (Luật Kế toán mới). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính. Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính không được ghi nhận trong báo cáo tài chính do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

3.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như đã trình bày ở Thuyết minh 3.10 hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

3.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện trên khoản mục "Chi phí quản lý" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm	6 năm
Máy móc, thiết bị	8 năm	3 - 5 năm
Thiết bị văn phòng	8 năm	3 năm
Phần mềm tin học	8 năm	3 năm
Tài sản vô hình khác	8 năm	5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định hữu hình và vô hình kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

3.13 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.14 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn (4) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.15 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 *Lợi ích của nhân viên*

3.16.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp nghỉ hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp nghỉ hưu này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.16.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

3.19 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ Công ty mẹ được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo quyết định của chủ sở hữu.

3.22 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại) VND</i>
Tiền	1.859.064.386	93.329.662.402
Tiền mặt tại quỹ	-	9.613.530
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.859.064.386	93.320.048.872
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	2.400.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống (lãi suất 3,70%/năm)	4.000.000.000	2.400.000.000
	5.859.064.386	95.729.662.402

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	6.010	166.384.000
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	1.493.651	57.220.335.700
	1.499.661	57.386.719.700



6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>	
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	3.661.354	3.417.296	1.840.600	2.987.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	32.000.000.000	32.000.000.000
	3.661.354	3.417.296	32.001.840.600	32.002.987.000
Dự phòng suy giảm giá trị	(307.704)	-	-	-
Giá trị thuần	3.353.650	3.417.296	32.001.840.600	32.002.987.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam	80.635.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.000.000.000	-
	100.635.000.000	-

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,9%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại) VND</i>
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		
Dự thu lãi tiền gửi	2.761.801.457	144.012.378

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại) VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	155.904.251	925.428.356
Trả trước Công ty Cổ phần Công nghệ cao Lotte-HPT Việt Nam	-	4.678.641.816
	155.904.251	5.604.070.172

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm hiện hành như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.289.081.100	13.592.046.146	43.502.546	1.002.221.250	15.926.851.042
Mua trong năm	-	337.500.000	-	396.056.980	733.556.980
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	4.383.445.000	4.383.445.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(82.226.593)	-	-	(82.226.593)
Phân loại lại	-	(3.825.542.561)	(43.502.546)	3.869.045.107	-
Số cuối năm	1.289.081.100	10.021.776.992	-	9.650.768.337	20.961.626.429
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(644.540.548)	(4.295.055.514)	(43.502.546)	(63.490.188)	(5.046.588.796)
Khấu hao trong năm	(128.908.112)	(1.225.831.258)	-	(662.909.211)	(2.017.648.581)
Thanh lý, nhượng bán	-	82.226.593	-	-	82.226.593
Phân loại lại	-	3.800.859.782	43.502.546	(3.844.362.328)	-
Số cuối năm	(773.448.660)	(1.637.800.397)	-	(4.570.761.727)	(6.982.010.784)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	644.540.552	9.296.990.632	-	938.731.062	10.880.262.246
Số cuối năm	515.632.440	8.383.976.595	-	5.080.006.610	13.979.615.645

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.788.205.107 VND (31 tháng 12 năm 2015: 3.870.431.700 VND)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm hiện hành như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Phần mềm tin học VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	314.420.000	1.735.439.600	84.200.000	2.134.059.600
Mua trong năm	-	12.362.226.000	-	12.362.226.000
Số cuối năm	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(1.261.797.311)	(84.200.000)	(1.345.997.311)
Hao mòn trong năm	-	(598.859.389)	-	(598.859.389)
Số cuối năm	-	(1.860.656.700)	(84.200.000)	(1.944.856.700)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314.420.000	473.642.289	-	788.062.289
Số cuối năm	314.420.000	12.237.008.900	-	12.551.428.900

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.318.136.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 1.318.136.000 VND).

Trong năm, Công ty đã mua phần mềm giao dịch chứng khoán T-Solution của Công ty Cổ phần Công nghệ cao LOTTE-HPT Việt Nam trị giá 12.076.356.000 đồng.

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại) VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	959.767.500	992.641.500
Chi phí trả trước dài hạn	64.124.365	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	250.075.048	236.541.404
	1.273.966.913	1.229.182.904

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 46/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Thông tư số 05/2015/TT-BTC Hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mới giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	130.075.048	116.541.404
	250.075.048	236.541.404

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả công ty Cổ phần Công nghệ cao Lotte – HPT Vietnam	1.740.400.000	-
	1.740.400.000	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>		<i>Số cuối năm VND</i>
		<i>Số phải nộp VND</i>	<i>Số đã nộp VND</i>	
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	2.175.813	12.634.778	(10.381.294)	4.429.297
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	4.315.909	1.118.541.174	(809.230.675)	313.626.408
Tổng cộng	6.491.722	1.131.175.952	(819.611.969)	318.055.705

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	146.000.000.000	140.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	146.000.000.000	140.000.000.000
Lỗ lũy kế	(11.293.584.911)	-
Lỗ chưa thực hiện	(307.704)	-
Lỗ đã thực hiện	(11.293.277.207)	-
	134.706.415.089	140.000.000.000

- (i) Vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã quyết định góp vốn để xóa lỗ lũy kế của Công ty tương ứng với số tiền là 80.636.153.432 VND. Tiếp theo đó, vào tháng 2 và tháng 3 năm 2016, Công ty mẹ đã góp vốn 2.955.149.867 đồng để xóa một phần lỗ phát sinh trong năm 2016.
- (ii) Sau đó, Công ty mẹ đã góp vốn bổ sung là 6.000.000.000 đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 146.000.000.000 đồng theo Giấy phép 123/GP-UBCK ngày 04/02/2016 của UBCK NN về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn chủ sở hữu của Công ty là 134.706.415.089 đồng, thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định hiện hành đối với Công ty là 135.000.000.000 đồng do phát sinh lỗ lũy kế. Theo quy định của Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Công ty phải thực hiện báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý và trong thời hạn sáu (06) tháng, Công ty phải đảm bảo vốn chủ sở hữu phải tối thiểu bằng vốn pháp định. Theo đó, vào ngày 20 tháng 3 năm 2017 Công ty đã thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý theo hướng trình chủ sở hữu phương án tăng vốn, đồng thời đẩy mạnh thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm tăng doanh thu để đảm bảo giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

16.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.125.250.000	1.368.500.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	60.000.000.000	-
	63.125.250.000	1.368.500.000

16.2 Tiền gửi nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	403.768.463	98.489.453
Của nhà đầu tư trong nước	22.962.145	98.489.453
Của nhà đầu tư nước ngoài	380.806.318	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.828.000	-
Nhà đầu tư trong nước	3.828.000	-
	407.596.463	98.489.453

16.3 Phải trả nhà đầu tư của công ty chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Phải trả nhà đầu tư - Tiền gửi của nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	403.362.123	98.489.453
Của nhà đầu tư trong nước	22.555.805	16.645.798
Của nhà đầu tư nước ngoài	380.806.318	81.843.655
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.234.340	-
	407.596.463	98.489.453

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. CỐ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> <i>(trình bày lại)</i> VND
Cổ tức	182.500	-
Lãi tiền gửi	4.719.461.148	272.617.328
	4.719.643.648	272.617.328

18. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí khấu hao	1.734.741.923	455.580.448
Chi phí giao dịch chứng khoán	597.126.015	159.555.072
Chi phí khác	76.695.550	5.000.000
	2.408.563.488	620.135.520

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.833.496.337	1.104.415.750
Chi phí nhân viên quản lý	7.507.534.888	1.857.695.335
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>6.851.854.288</i>	<i>1.857.695.335</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm tai nạn</i>	<i>655.680.600</i>	<i>-</i>
Chi phí khấu hao TSCĐ	881.766.047	305.323.704
Chi phí công cụ, dụng cụ	238.158.397	82.907.163
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.933.643	99.666.680
Chi phí khác	334.083.672	2.302.503.207
	16.798.972.984	5.752.511.839

20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản cố định	40.636.675	2.769.840
Chi phí khác		
Chi phí khác	(14.878.658)	-
	25.758.017	2.769.840

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu thu nhập thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 (trình bày lại) VND
Lỗ trước thuế	(14.248.734.778)	(6.110.619.994)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	(2.849.746.956)	(1.344.336.399)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	14.016.560	-
- Chi phí dự phòng	61.541	-
- Lỗ tính thuế chưa ghi nhận	2.835.705.355	1.344.336.399
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong năm không chịu thuế	(36.500)	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	-	-

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép kết chuyển lỗ vào thu nhập của năm tiếp theo trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có lỗ lũy kế 25.816.594.771 đồng có thể căn trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế VND	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016 VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016 VND
2012	2017	2.296.612.005	-	2.296.612.005
2013	2018	664.760.499	-	664.760.499
2014	2019	2.566.075.498	-	2.566.075.498
2015	2020	6.110.619.994	-	6.110.619.994
2016	2021	14.178.526.775	-	14.178.526.775
		25.816.594.771	-	25.816.594.771

Các khoản lỗ tính thuế trên được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế mang sang này do không thể chắc chắn sẽ có đầy đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lợi ích thuế này.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Góp bổ sung vốn điều lệ Góp vốn xóa lỗ Chi phí môi giới	6.000.000.000 2.955.149.867 95.014.885	- 80.636.153.432 -
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Thu lãi tiền gửi Chi phí dịch vụ	3.685.652.907 1.546.000	- -
Ban lãnh đạo		Lương và thưởng	3.646.865.514	214.470.000

Tại thời điểm cuối năm, số dư với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Phải trả ngắn hạn	8.696.700	8.981.788.438
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Tiền gửi không kỳ hạn Tiền gửi có kỳ hạn Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	1.854.332.300 84.635.000.000 1.669.301.458	93.289.763.974 34.000.000.000 144.012.378

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê nhà cho nhân viên theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	2.393.782.500	3.359.070.000
Từ 1 đến 5 năm	1.246.070.000	5.318.527.500
	3.639.852.500	8.677.597.500

24. RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

24.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh 4 và Thuyết minh 6.2. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Quá hạn nhưng không bị suy giảm					Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 6 tháng VND	Từ 6 đến 12 tháng VND	Trên 1 năm VND	
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	100.635.000.000	-	-	-	-	100.635.000.000
Tài sản tài chính khác						
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.761.801.457	-	-	-	-	2.761.801.457
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	959.767.500 13.443.251	-	-	-	-	959.767.500 13.443.251
Các khoản phải thu khác - gộp	104.370.012.208	-	-	-	-	104.370.012.208

24.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) Cổ phiếu niêm yết	-	3.661.354	-	-	-	3.661.354
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	100.635.000.000	-	-	100.635.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	2.895.244.708	839.767.500	-	3.735.012.208
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	2.761.801.457	-	-	2.761.801.457
Cảm có, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	120.000.000	839.767.500	-	959.767.500
Các khoản phải thu khác	-	-	13.443.251	-	-	13.443.251
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.859.064.386	4.000.000.000	-	-	5.859.064.386
Tổng cộng	-	1.862.725.740	107.530.244.708	839.767.500	-	110.232.737.948
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	1.045.634	-	-	1.045.634
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	1.740.400.000	-	-	1.740.400.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	257.242.213	-	-	257.242.213
Tổng cộng	-	-	1.998.687.847	-	-	1.998.687.847
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	1.862.725.740	105.531.556.861	839.767.500	-	108.234.050.101

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

24.4 *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

25. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		133.628.829.174	(98.489.453)	133.530.339.721
Tiền	[1]	93.428.151.855	(98.489.453)	93.329.662.402
Các khoản tương đương tiền	[2]	34.400.000.000	(32.000.000.000)	2.400.000.000
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	[2]	-	32.001.840.600	32.001.840.600
Chứng khoán kinh doanh (**)	[2]	1.840.600	(1.840.600)	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	[3]	-	144.012.378	144.012.378
Các khoản phải thu khác	[3]	194.766.547	(144.012.378)	50.754.169
Tài sản ngắn hạn khác	[4]	-	4.678.641.816	4.678.641.816
Chi phí trả trước ngắn hạn	[4]	4.678.641.816	(4.678.641.816)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.607.907.439	-	15.607.907.439
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	[5]	-	992.641.500	992.641.500
Tài sản dài hạn khác	[5]	992.641.500	(992.641.500)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		149.236.736.613	(98.489.453)	149.138.247.160
NỢ PHẢI TRẢ		9.236.736.613	(98.489.453)	9.138.247.160
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	[1]	98.489.453	(98.489.453)	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên (*)	[6]	-	13.707.530	13.707.530
Các khoản phải trả	[6]	8.981.788.438	(13.707.530)	8.968.080.908
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		149.236.736.613	(98.489.453)	149.138.247.160

(*) Các chỉ tiêu mới của báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo đối ngoại bằng
- [2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210
- [3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210
- [4] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210
- [5] Phân loại lại khoản mục tài sản khác qua khoản mục cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn
- [6] Phân loại lại các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015 (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Năm 2015 (trình bày lại) VND
Doanh thu	[7]	305.599.387	-	305.599.387
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		32.982.059	-	32.982.059
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[7]	-	272.617.328	272.617.328
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	[7]	8.400	(8.400)	-
Doanh thu khác (**)	[7]	272.608.928	(272.608.928)	-

(*) Các chỉ tiêu mới của báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư 210 và Thông tư 334

(**) Các chỉ tiêu của báo cáo kết quả hoạt động không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[7] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015 (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Năm 2015 (trình bày lại) VND
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM				
Tiền	[8]	2.001.989.863	(106.892.307)	1.895.097.556
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
Tiền	[8]	93.428.151.855	(98.489.453)	93.329.662.402
Các khoản tương đương tiền	[9]	34.400.000.000	(32.000.000.000)	2.400.000.000

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[8] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng

[9] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Jeong Man Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2017